TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ	*Nam Định, ngày 08 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Anh

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Vũ Ngọc Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1. Chị Trần Thị B, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số x đường N, phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định

2. Anh Trần Đình T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Số x đường N, phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định - *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Số x đường N, phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị x - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bà Nguyễn Thị x ủy quyền cho bà Hoàng Thị T – Công chức Tư pháp – Hộ tịch phường X, thành phố N (Giấy ủy quyền có chứng thực ngày 25/12/2019 của UBND phường X, thành phố N).

(Chị Trần Thị B, anh Trần Đình T có mặt; đại diện Ủy ban nhân dân phường x có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu ngày 20-12-2019, bản tự khai ngày 25-12-2019 và tại phiên họp, người yêu cầu là anh Trần Đình T trình bày:

Anh và vợ là chị Trần Thị B sau một thời gian tìm hiểu và đã tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 13-9-2005 tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N trên cơ sở tự nguyện. Khi đi đăng ký kết hôn anh và chị Bđã cùng trực tiếp làm thủ tục và ký các giấy tờ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X. Sau đó vợ chồng anh đã được Ủy ban nhân dân phường X cấp cho Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13-9-2005. Từ khi đăng ký kết hôn đến nay vợ chồng anh vẫn chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến tháng 12-2019 vợ chồng anh làm thủ tục vay vốn kinh doanh tại ngân hàng và có sử dụng giấy chứng nhận kết hôn làm hồ sơ vay vốn thì mới phát hiện tại thời điểm đăng ký kết hôn anh chưa được 20 tuổi. Vào năm 2005 khi đi đăng ký kết hôn do nhận thức pháp luật hạn chế vợ chồng anh đều nghĩ nam nữ đủ 18 tuổi là đủ điều kiện để đăng ký kết hôn. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Trần Thị B tại Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13-9-2005 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N và yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị B theo quy định của pháp luật.

2. Tại đơn yêu cầu ngày 20-12-2019, bản tự khai ngày 25-12-2019 và tại phiên họp, người yêu cầu là chị Trần Thị B thống nhất như lời trình bày của anh Trần Đình T. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Trần Đình T tại Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13-9-2005 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N và yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Trần Đình T theo quy định của pháp luật.

3. Tại bản tự khai ngày 26-12-2019, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N trình bày:

Qua kiểm tra Sổ hộ tịch gốc năm 2005 hiện đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường X thể hiện: Vào năm 2005 anh Trần Đình T và chị Trần Thị B đã trực tiếp thực hiện việc đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường X và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13-9-2005. Trong quá trình làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh T và chị B do sơ xuất trong việc kiểm tra hồ sơ nên Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Trần Đình T và chị Trần Thị B khi anh T chưa được 20 tuổi. Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự về yêu cầu hủy kết

hôn trái pháp luật giữa anh Trần Đình T và chị Trần Thị B theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định phát biểu quan điểm: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 10, khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Đình T và chị Trần Thị B, tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Đình T và chị Trần Thị B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13-9-2005 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đình T và chị Trần Thị B từ thời điểm anh T từ 20 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xin giải quyết việc dân sự vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án mở phiên họp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị B tự nguyện kết hôn và trực tiếp đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 13-9-2005) anh Trần Đình T mới 18 tuổi, chị Trần Thị B 21 tuổi. Việc Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh T và chị B khi anh T chưa đủ 20 tuổi là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh Trần Đình T và chị Trần Thị B yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13-9-2005 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố N và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Trần Đình T và chị Trần Thị B.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị B phải nộp lệ phí Tòa án theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Đình T và chị Trần Thị B.

2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Đình T và chị Trần Thị B theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 13-9-2005 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đình T và chị Trần Thị B từ thời điểm anh Trần Đình T từ 20 tuổi.

Anh Trần Đình T và chị Trần Thị B có trách nhiệm đến Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002672 ngày 20-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Đình T và chị Trần Thị B có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Nam Định có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- UBND phường X, TP. N;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Mai Anh